

Ứng dụng một số kỹ thuật diễn xuất vào ngành thanh nhạc ở Khoa Âm nhạc-Điện ảnh, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Nguyễn Lê Thanh Hải

Khoa Âm nhạc - Điện ảnh, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
hainlt@ntt.edu.vn

Tóm tắt

Trong đào tạo thanh nhạc hiện đại, kỹ năng biểu diễn sân khấu giữ vai trò quan trọng bên cạnh kỹ thuật hát, đòi hỏi người học phải làm chủ hình thể, cảm xúc và khả năng kết nối với khán giả. Tuy nhiên, tại Việt Nam và đặc biệt tại Khoa Âm nhạc – Điện ảnh, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, các yếu tố diễn xuất vẫn chưa được tích hợp hệ thống vào chương trình đào tạo. Nghiên cứu này xem xét việc ứng dụng các kỹ thuật diễn xuất trong đào tạo thanh nhạc thông qua khảo sát thực trạng năng lực biểu cảm và kỹ năng sân khấu của sinh viên, kết hợp các phương pháp phân tích tài liệu, quan sát và thực nghiệm sư phạm. Kết quả cho thấy, việc tích hợp ba nhóm kỹ thuật: ngôn ngữ hình thể, cảm thụ – tưởng tượng sân khấu và biểu cảm, sáng tạo nhân vật đã cải thiện rõ rệt khả năng trình bày ca khúc, làm chủ sân khấu và tăng cường kết nối với khán giả. Nghiên cứu khẳng định tính cần thiết của mô hình đào tạo tích hợp giữa thanh nhạc và diễn xuất, đồng thời đề xuất định hướng đổi mới chương trình tại Khoa Âm nhạc – Điện ảnh nhằm đáp ứng yêu cầu của ngành biểu diễn trong bối cảnh hội nhập.

Nhận 27/11/2025
Được duyệt 24/12/2025
Công bố 28/06/2026

Từ khóa

Đào tạo thanh nhạc;
ngôn ngữ hình thể;
biểu cảm sân khấu;
kỹ thuật diễn xuất.

© 2026 Journal of Science and Technology - NTTU

1 Đặt vấn đề

Trong bối cảnh nghệ thuật biểu diễn đương đại, sự giao thoa giữa âm nhạc, sân khấu, múa và nghệ thuật thị giác ngày càng mạnh mẽ, đòi hỏi người nghệ sĩ phải sở hữu năng lực đa ngành đa dạng, trong đó diễn xuất trở thành thành tố không thể thiếu, tạo nên sự kết nối cảm xúc và sức thuyết phục đối với khán giả. Nhiều trường, học viện, trung tâm giảng dạy nghệ thuật ở khắp nơi xem diễn xuất là thành tố bắt buộc đối với đào tạo ca sĩ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về năng lực biểu diễn đa dạng. Tại Việt Nam, kỹ năng này tuy đã xuất hiện trong một số học phần biểu diễn nhưng vẫn thiếu tính hệ thống và chủ yếu dựa trên kinh nghiệm sân khấu thực tế. Bên

cạnh đó, “Trong đào tạo nghệ thuật, nội dung giảng dạy thường thiên về thực hành kỹ thuật, dẫn đến việc thiếu các phương pháp tiếp cận có tính lý luận cho phát triển năng lực biểu diễn tổng hợp” [1]. Riêng tại Khoa Âm nhạc – Điện ảnh (Khoa AN-ĐA), Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (NTTU), kết quả đánh giá học phần cho thấy, sinh viên có nền tảng kỹ thuật hát khá tốt nhưng thường hạn chế về chiều sâu cảm xúc, khả năng làm chủ hình thể chưa tốt và khả năng làm chủ sân khấu còn rụt rè. Khảo sát các sản phẩm biểu diễn giai đoạn 2022-2024 cho thấy, tuyên cảm xúc rời rạc, khả năng tương tác sân khấu còn yếu – đây là khoảng trống quan trọng trong đào tạo. Hiện nay, các nghiên cứu trong nước chủ yếu tập trung vào lý thuyết diễn xuất hoặc kỹ

thuật thanh nhạc truyền thống; hầu như chưa có nghiên cứu nào ứng dụng có hệ thống kỹ thuật diễn xuất vào đào tạo thanh nhạc ở bậc đại học, đặc biệt tại môi trường định hướng nhạc nhẹ như Khoa AN-ĐA. Điều này cho thấy tính cấp thiết của việc nghiên cứu và đánh giá hiệu quả các kỹ thuật diễn xuất trong đào tạo ca sĩ. Từ yêu cầu thực tiễn đó, nghiên cứu được triển khai nhằm xây dựng hệ thống kỹ thuật diễn xuất phù hợp với đặc thù thanh nhạc, thực nghiệm trong ba học kỳ và đánh giá tác động của kỹ thuật diễn xuất đối với năng lực biểu diễn của sinh viên ngành thanh nhạc ở Khoa AN-ĐA. Vì vậy, nghiên cứu “Ứng dụng một số kỹ thuật diễn xuất vào ngành thanh nhạc ở Khoa AN-ĐA, NTTU” được triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới chương trình đào tạo này.

2 Lý thuyết nghiên cứu

Hiện nay, có một số giáo trình và nghiên cứu liên quan đến kỹ năng diễn xuất như “Giáo trình dành cho ngành diễn viên kịch – điện ảnh” [2], “Nghệ thuật diễn xuất sân khấu và màn ảnh” [3], “Giáo trình hình thể” [4] cùng nhiều tài liệu từ các cơ sở đào tạo nghệ thuật. Tuy nhiên, các công trình này chủ yếu giới thiệu lý thuyết diễn xuất hoặc tập trung vào đào tạo diễn viên sân khấu, chưa hướng đến ứng dụng trong thanh nhạc. Các tài liệu về dạy học biểu diễn thanh nhạc và dàn dựng trong lĩnh vực âm nhạc như “Tìm hiểu một số biện pháp thể hiện ca khúc trữ tình trong giảng dạy thanh nhạc năm thứ nhất hệ Đại học Sư phạm Âm nhạc Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương” [5], “Dạy học kỹ năng trình diễn ca khúc nhạc nhẹ cho học viên Trung cấp Thanh nhạc – Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội” [6] tập trung vào xử lý ca khúc hoặc vận động cơ bản, chưa phát triển hệ thống kỹ thuật diễn xuất dành riêng cho người hát. Qua khảo sát sản phẩm biểu diễn và các tư liệu trình diễn của sinh viên Khoa AN-ĐA (2022-2024) cho thấy, sự thiếu hụt về tuyến cảm xúc, hình thể và khả năng tương tác sân khấu, phản ánh khoảng trống giữa kỹ năng, kỹ thuật và năng lực biểu đạt, có thể thấy phần lớn nghiên cứu trước đây chỉ tập trung vào biểu diễn hát và lý thuyết diễn xuất hoặc kỹ

thuật biểu diễn thanh nhạc vẫn chưa được lấp đầy trong môi trường đào tạo nghệ thuật tại Việt Nam. Về lý thuyết, diễn xuất được hiểu là quá trình nghệ sĩ sử dụng cơ thể, giọng nói và cảm xúc để hóa thân vào nhân vật, đòi hỏi sự nhập tâm và khả năng biểu đạt chân thực, trong đó “sự hiện diện của nhân vật, là sự nhập vai, là hóa thân vào nhân vật, vào hình tượng” [7]. Kỹ năng diễn xuất là tập hợp các kỹ năng nhỏ như biểu cảm, điều tiết giọng nói, sử dụng ngôn ngữ hình thể, tưởng tượng sáng tạo và phân tích tình huống, được hiểu “là năng lực vận dụng có kết quả tri thức về phương thức hành động đã được chủ thể lĩnh hội để thực hiện những nhiệm vụ tương ứng” [8]. Biểu diễn là môn nghệ thuật được hoàn thành thông qua diễn viên, “Diễn viên là người thể hiện trực tiếp hình tượng trong nghệ thuật biểu diễn” [9]. Những nền tảng này có khả năng hỗ trợ hiệu quả cho thanh nhạc, nhưng chưa được chuyển hóa thành mô hình ứng dụng kỹ thuật diễn xuất trong đào tạo thanh nhạc.

Trong đào tạo thanh nhạc, những nền tảng lý thuyết trên có khả năng hỗ trợ trực tiếp cho việc truyền tải nội dung và cảm xúc của ca khúc, song trên thực tế vẫn chưa được chuyển hóa thành mô hình ứng dụng kỹ thuật diễn xuất phù hợp với đặc thù người hát. Nhạc kịch - loại hình kết hợp hát, diễn và ngôn ngữ hình thể - là minh chứng rõ nét cho mối liên hệ chặt chẽ giữa kỹ thuật thanh nhạc và diễn xuất, đồng thời góp phần hình thành tư duy biểu diễn toàn diện, nâng cao phong thái sân khấu và mức độ biểu cảm cho người học.

Diễn xuất trong ca khúc giúp nghệ sĩ truyền tải cảm xúc thông qua ánh mắt, cơ thể và giọng hát. Trước yêu cầu ngày càng cao của khán giả về sự trọn vẹn trong trình diễn, “nhu cầu của khán giả đang ngày càng nâng cao với những đòi hỏi khắt khe hơn, nên chỉ các ca sĩ, nhạc sĩ được đào tạo bài bản, thích nghi tốt mới có thể đáp ứng” [10], việc giảng dạy diễn xuất một cách bài bản trong đào tạo thanh nhạc trở nên cần thiết. Trong quá trình này, giảng viên giữ vai trò hướng dẫn sinh viên kết hợp kỹ thuật hát với phân tích nội dung và biểu cảm sân khấu, qua đó hình thành phong cách biểu diễn cá nhân. Khi biểu diễn, “các yếu tố âm nhạc, bối cảnh dàn dựng, ngôn ngữ hình thể do diễn viên

biểu đạt sẽ hợp thành một thể thống nhất, dẫn dắt người xem đi từ tình tiết này đến tình tiết khác, đồng thời truyền tải được nhiều cung bậc cảm xúc chân thật nhất đến khán giả” [11].

Từ góc độ ứng dụng, các kỹ thuật diễn xuất có thể tích hợp trong đào tạo thanh nhạc bao gồm: ngôn ngữ hình thể nhằm giải phóng cơ thể và hỗ trợ hơi thở; kỹ thuật kiểm soát hơi thở trong điều kiện vừa hát vừa vận động; vũ đạo nhằm tăng sức hấp dẫn thị giác và sự linh hoạt, song cần phù hợp với tinh thần ca khúc; cảm nhận không gian và sáng tạo sân khấu để duy trì mạch cảm xúc nhất quán; kỹ thuật làm chủ sân khấu thông qua kiểm soát ánh nhìn, vị trí và xử lý tình huống; cùng với rèn luyện biểu cảm tự nhiên thông qua thực hành và phân tích các buổi biểu diễn chuyên nghiệp.

Từ tổng quan lý thuyết có thể khẳng định rằng, chưa có nghiên cứu nào trong nước ứng dụng trực tiếp và có hệ thống các kỹ thuật diễn xuất vào đào tạo thanh nhạc tại các trường đại học nghệ thuật. Khoảng trống này là cơ sở để đề tài hiện tại xây dựng mô hình tích hợp, đồng thời đánh giá hiệu quả thực nghiệm trong bối cảnh đào tạo thực tế tại Khoa AN-ĐA.

3 Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: phân tích - tổng hợp tài liệu: thu thập và đối chiếu các công trình về diễn xuất, kỹ thuật hình thể, và giáo trình thanh nhạc hiện hành để xác định khoảng trống nghiên cứu [2, 6]. Quan sát sự phạm: theo dõi các tiết mục ghi

hình và thực hành biểu diễn của sinh viên Khoa AN-ĐA từ 2022 cho đến 2024 trước và sau thực nghiệm nhằm nhận diện hạn chế trong biểu cảm, hình thể và làm chủ sân khấu, từ đó thiết kế bộ kỹ thuật diễn xuất phù hợp với đặc thù thanh nhạc. Trao đổi chuyên môn: trao đổi với giảng viên và sinh viên để xác định những khó khăn trong việc kết hợp diễn xuất khi học thanh nhạc. Thực nghiệm sự phạm: áp dụng các nhóm kỹ thuật diễn xuất (ngôn ngữ hình thể, cảm thụ – tưởng tượng, sáng tạo – biểu cảm nhân vật) cho nhóm thực nghiệm, còn nhóm đối chứng học theo chương trình thanh nhạc thông thường không áp dụng các bài tập kỹ thuật, thời gian thực nghiệm trong 12 tháng (3 học kỳ). Đánh giá thực nghiệm: quan sát sự tiến bộ giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng thông qua biểu diễn thực hành, điểm số học phần và phản hồi của giảng viên. Phương pháp so sánh giúp đánh giá toàn diện hiệu quả ứng dụng kỹ thuật diễn xuất trong đào tạo thanh nhạc.

4 Kết quả và thảo luận

4.1 Kết quả

Kết quả đối sánh cho thấy, nhóm thực nghiệm có mức tiến bộ rõ rệt hơn nhóm đối chứng cả về điểm số và chất lượng biểu diễn. Tỷ lệ sinh viên đạt loại giỏi ở nhóm thực nghiệm tăng trong khi nhóm đối chứng chỉ có sự cải thiện nhẹ. Việc phân nhóm cũng để so sánh và phân tích việc đưa ứng dụng vào một cách phù hợp và hiệu quả (Bảng 1).

Bảng 1 Phân loại nhóm nghiên cứu

Nhóm	Số sinh viên	Nội dung đào tạo
Nhóm thực nghiệm	36	Thanh nhạc + kỹ thuật diễn xuất tích hợp
Nhóm đối chứng	36	Thanh nhạc theo phương pháp thông thường

4.1.1 Sự thay đổi trong ngôn ngữ hình thể của sinh viên
Sau 12 tháng thực nghiệm, nhóm sinh viên được hướng dẫn kỹ thuật diễn xuất có sự cải thiện rõ rệt trong việc sử dụng ngôn ngữ hình thể. Các chuyển động tay trở nên mềm mại và có chủ đích; ánh mắt tập

trung, hướng đúng điểm nhấn cảm xúc; tư thế đứng và di chuyển sân khấu tự nhiên hơn. Đáng chú ý, hình thể không còn vận hành độc lập mà được tích hợp chặt chẽ với hơi thở và giọng hát, tạo nên sự thống nhất trong biểu đạt (Bảng 2, Bảng 3).

Bảng 2 Các nhóm kỹ thuật diễn xuất được áp dụng trong thực nghiệm

Nhóm kỹ thuật	Nội dung tập luyện	Mục tiêu
Ngôn ngữ hình thể - giải phóng cơ thể	Thả lỏng - điều chỉnh tư thế - phối hợp hơi thở	Tự nhiên hóa hình thể, tăng chủ động sân khấu
Cảm thụ –tưởng tượng sân khấu	Xây dựng hoàn cảnh; phân tích	Tạo tuyến cảm xúc mạch lạc



	nhân vật; diễn nhìn	
Biểu cảm – sáng tạo nhân vật	Biểu cảm khuôn mặt; tập luyện trạng thái; tương tác khán giả	Tăng sức truyền cảm khi hát

Bảng 3 Điểm trung bình theo tiêu chí biểu diễn (HK3)
- Các tiêu chí được chấm trong học phần Biểu diễn Thanh nhạc (tháng 10)

Tiêu chí	Thực nghiệm	Đối chứng
Ngôn ngữ hình thể	8,9	7,8
Biểu cảm – cảm xúc	9,0	7,9
Làm chủ sân khấu	8,8	7,7
Tuyển cảm xúc	8,9	7,8
Điểm TB biểu diễn	8,9	7,8

Ngược lại, nhóm đối chứng ít ghi nhận sự thay đổi đáng kể, vẫn biểu diễn với hình thể rụt rè, thiếu liên kết với nội dung ca khúc và cảm xúc âm nhạc. Kết quả này cho thấy, hiệu quả của các bài tập giải phóng cơ thể và kỹ thuật kiểm soát hình thể khi được triển khai theo mô hình đào tạo tích hợp.

4.1.2 Phát triển tuyển cảm xúc và khả năng diễn giải nội dung ca khúc

Việc áp dụng các kỹ thuật tưởng tượng sân khấu, phân tích nhân vật và xây dựng hoàn cảnh giả định đã mang lại sự chuyển biến tích cực cho nhóm thực nghiệm. Sinh viên biết tạo dựng bối cảnh nội tâm khi hát, xác định rõ đối tượng giao tiếp, thông điệp biểu đạt và trạng thái cảm xúc chủ đạo của ca khúc, qua đó duy trì tuyển cảm xúc liền mạch từ đầu đến cuối bài hát (Bảng 3).

Ở nhóm đối chứng, tuyển cảm xúc vẫn mang tính rời rạc, chủ yếu dừng lại ở việc tái hiện giai điệu và lời ca, chưa hình thành được mạch cảm xúc xuyên suốt (Bảng 3).

4.1.3 Phong thái sân khấu và sự hòa hợp giữa giọng hát – hình thể – cảm xúc

Sinh viên nhóm thực nghiệm thể hiện phong thái sân khấu tự tin và chủ động hơn thông qua các bài tập về hơi thở cảm xúc, diễn nhìn và tổ chức không gian biểu diễn nội tâm. Sự phối hợp giữa giọng hát, hình thể và cảm xúc được đồng bộ hóa trong một chỉnh thể biểu diễn thống nhất, tạo nên hình ảnh sân khấu thuyết phục và ổn định hơn (Bảng 2, Bảng 3).

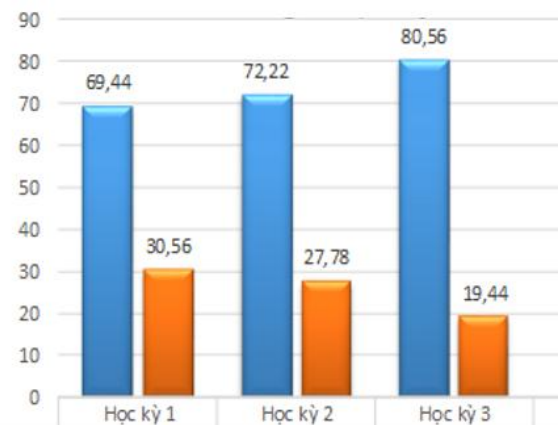
Kết quả này làm rõ mối liên hệ chặt chẽ giữa kỹ thuật hát và kỹ thuật diễn xuất trong nghệ thuật trình diễn,

đồng thời phản ánh sự khác biệt rõ rệt giữa hai nhóm nghiên cứu.

4.2 Thảo luận

Nghiên cứu sử dụng phương pháp so sánh nhằm đánh giá mức độ cải thiện năng lực biểu diễn khi tích hợp các kỹ thuật diễn xuất vào đào tạo thanh nhạc. Dữ liệu được thu thập từ điểm số biểu diễn của sinh viên trong ba học kỳ liên tiếp, dựa trên kết quả đánh giá học phần Thanh nhạc và Biểu diễn tại Khoa AN-ĐA, NTTU, dữ liệu gốc được thu thập từ bảng điểm học phần. Các số liệu này được xử lý bằng thống kê mô tả, cho phép theo dõi sự thay đổi trước và sau tác động của thực nghiệm.

Kết quả thực nghiệm cho thấy, việc tích hợp kỹ thuật diễn xuất vào đào tạo thanh nhạc mang lại sự cải thiện rõ rệt về năng lực biểu diễn của sinh viên, nhóm sinh viên thực nghiệm có mức tiến bộ hơn và ổn định hơn so với nhóm đối chứng, đặc biệt ở khả năng làm chủ sân khấu và duy trì tuyển cảm xúc trong biểu diễn (Bảng 2, Bảng 3). Tỷ lệ đạt điểm giỏi tăng từ 69,44 % lên 80,56 % (Hình 1) và nhóm tiến bộ mạnh nhất tăng từ 7,5 điểm lên 8,9 điểm, cho thấy tác động tích cực của mô hình giảng dạy tích hợp (Hình 2), nhóm đối chứng có sự thay đổi không đáng kể hoặc thiếu ổn định qua ba học kỳ liên tiếp (Hình 3).



Hình 1 Thống kê tỷ lệ xếp loại điểm số môn thanh nhạc kết hợp biểu diễn trong 3 học kỳ



Hình 2 Biểu diễn thanh nhạc kết hợp cảm xúc, hình thể và làm chủ sân khấu

Những thay đổi về ngôn ngữ hình thể, tuyên cảm xúc và phong thái sân khấu phù hợp với nhận định trong các nghiên cứu về hình thể và biểu cảm [4] cũng như các biện pháp thể hiện ca khúc [5]. Tuy nhiên, khác với các công trình trước, chủ yếu xem xét từng yếu tố riêng lẻ, kết quả nghiên cứu này cho thấy hiệu quả của việc kết hợp đồng thời nhiều kỹ thuật diễn xuất, biểu cảm đến sáng tạo nhân vật; từ giải phóng hình thể, kiểm soát hơi thở đến tưởng tượng sân khấu và làm chủ không gian (Bảng 2, Hình 2, Hình 4 và Hình 5). Điều này bổ sung khoảng trống nghiên cứu trước đây, vốn chưa đề cập trực tiếp đến ứng dụng diễn xuất trong đào tạo thanh nhạc.

Về mặt khoa học, kết quả nghiên cứu cho thấy tồn tại mối liên hệ hữu cơ giữa giọng hát, hình thể và biểu cảm - những yếu tố cốt lõi trong lý thuyết diễn xuất hiện đại. Khi được tiếp cận kỹ thuật diễn xuất một



Hình 3 Sinh viên còn hạn chế trong diễn xuất biểu diễn

cách có hệ thống, sinh viên không còn xem ca khúc thuần túy là sản phẩm âm thanh mà tiếp cận tác phẩm như một vai diễn hoàn chỉnh, có bối cảnh, đối tượng giao tiếp và mục đích biểu đạt rõ ràng. Cách tiếp cận này khác biệt so với phương pháp đào tạo thanh nhạc truyền thống vốn thiên về rèn luyện kỹ thuật âm thanh. Diễn xuất trong ca khúc giúp nghệ sĩ truyền tải cảm xúc toàn diện thông qua ánh mắt, ngôn ngữ cơ thể và giọng hát, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khán giả về sự trọn vẹn trong trình diễn [10]. Trong mô hình thực nghiệm, vai trò của giảng viên được mở rộng từ hướng dẫn kỹ thuật hát sang hỗ trợ sinh viên phân tích nội dung ca khúc, xây dựng tuyến cảm xúc và tổ chức biểu cảm sân khấu, qua đó hình thành phong cách biểu diễn cá nhân. Sự thống nhất giữa âm nhạc, bối cảnh dàn dựng và ngôn ngữ hình thể đã tạo nên một chỉnh thể biểu diễn liền mạch và thuyết phục [11].



Hình 4 Giảng viên đang hướng dẫn sinh viên thực hành diễn xuất, làm chủ không gian sân khấu



Hình 5 Giảng viên đang hướng dẫn sinh viên thực hành diễn xuất qua cảm xúc khuôn mặt và hình dáng

Về mặt thực tiễn, sinh viên nhóm thực nghiệm thể hiện sự tự tin, khả năng kiểm soát sân khấu và duy trì cảm xúc ổn định trong biểu diễn, đáp ứng yêu cầu của môi trường nghệ thuật biểu diễn đương đại. Sự khác biệt về tốc độ và mức độ tiến bộ giữa các sinh viên cho thấy cần thiết xây dựng lộ trình đào tạo phân tầng, phù hợp với năng lực người học. Nhìn chung, nghiên cứu khẳng định tính khả thi và giá trị ứng dụng của mô hình đào tạo tích hợp trong đổi mới chương trình đào tạo thanh nhạc tại môi trường đại học với chuyên ngành biểu diễn nghệ thuật [12].

5 Kết luận và kiến nghị

5.1 Kết luận

Nghiên cứu này đã chứng minh hiệu quả của việc tích hợp một số kỹ thuật diễn xuất vào trong đào tạo ngành thanh nhạc tại Khoa AN-ĐA, thông qua phân tích so sánh điểm số biểu diễn của hai nhóm sinh viên trong ba học kỳ liên tiếp đã chứng minh rằng năng lực biểu diễn không thể chỉ hình thành từ kỹ thuật hát, mà đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa hình thể, cảm xúc và khả năng làm chủ sân khấu. Qua thực nghiệm kéo dài 12 tháng và đối sánh sản phẩm biểu diễn trước – sau can thiệp, sinh viên đã cải thiện rõ rệt kỹ năng hình thể, độ mạch lạc của tuyến cảm xúc và phong thái biểu diễn.

Kỹ thuật ngôn ngữ hình thể giúp sinh viên giải phóng cơ thể và thể hiện chuyển động có chủ đích; kỹ thuật cảm thụ – tưởng tượng sân khấu giúp xác lập bối cảnh nội tâm và tăng cường khả năng truyền cảm; kỹ thuật biểu cảm – sáng tạo nhân vật giúp hình thành bản sắc nghệ thuật và tiếp cận bài hát như một vai diễn hoàn chỉnh. Những kết quả này phù hợp với định hướng đào tạo nghệ sĩ đa năng tại Khoa AN-ĐA, NTTU, đồng thời bổ sung bằng chứng thực nghiệm về vai trò thiết yếu của diễn xuất trong biểu diễn thanh nhạc.

5.2 Kiến nghị

Dựa trên kết quả nghiên cứu và điều kiện đào tạo thanh nhạc tại Khoa AN-ĐA, NTTU, đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của việc tích hợp kỹ thuật diễn xuất trong đào tạo thanh nhạc như sau:

Thứ nhất, cần đưa học phần “Diễn xuất trong thanh nhạc” vào chương trình chính khóa, qua đó đảm bảo tính hệ thống và ổn định trong quá trình đào tạo.

Thứ hai, xây dựng giáo trình và quy trình kỹ thuật diễn xuất chuyên biệt cho sinh viên thanh nhạc, bao gồm các kỹ thuật hình thể, cảm xúc, tưởng tượng sân khấu và làm chủ không gian, phù hợp với đặc thù nghề nghiệp của nghệ sĩ biểu diễn.

Thứ ba, khuyến khích tăng cường hoạt động biểu diễn thực hành thông qua showcase, workshop, kiểm tra học kỳ mở và các dự án liên ngành nhằm tạo môi trường giúp sinh viên chuyển hóa kỹ thuật thành năng lực biểu diễn thực tế.

Thứ tư, cần mời chuyên gia sân khấu, điện ảnh và múa tham gia giảng dạy để đa dạng hóa phương pháp tiếp cận và cập nhật xu hướng nghệ thuật.

Thứ năm, triển khai mô hình đào tạo phân tầng theo năng lực nhằm đảm bảo tiến độ phát triển phù hợp của từng sinh viên.

Thứ sáu, đầu tư thêm không gian và thiết bị thực hành sân khấu, như phòng tập blackbox, hệ thống ánh sáng – âm thanh và thiết bị ghi hình phục vụ phản hồi học tập, nhằm tăng cường tính trải nghiệm.

Cuối cùng, cần đẩy mạnh các nghiên cứu tiếp nối tại NTTU, tập trung vào biểu cảm khuôn mặt, quan hệ giữa hình thể và hơi thở, ứng dụng diễn xuất trong dân ca – nhạc kịch, và phát triển mô hình “performing vocalist”.

Các kiến nghị trên được kỳ vọng sẽ góp phần hoàn thiện chương trình đào tạo thanh nhạc tại Khoa AN-ĐA, NTTU, đồng thời tạo nền tảng cho việc phát triển đội ngũ nghệ sĩ biểu diễn đa năng trong bối cảnh nghệ thuật hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Hiền. (2025). Thiếu cơ chế đặc thù khiến cơ sở giáo dục đại học đào tạo nghệ thuật gặp khó. *Giáo dục Việt Nam*, ngày 09/07/2025.
2. Đào Mạnh Hùng (chủ biên), ThS.NGƯT Lê Mạnh Hùng. (2015). *Nghệ thuật diễn viên kịch – điện ảnh: “Giáo trình đào tạo ngành diễn viên”*. NXB Văn học, Hà Nội.
3. André Villiers. (1971). *Nghệ thuật diễn xuất sân khấu và màn ảnh* (Mỹ Tính dịch). Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa.
4. Dương Thị Thanh Huyền (chủ biên), Hạnh Thị Hạnh Năm. (2015). *Giáo trình hình thể (dành cho diễn viên sân khấu, điện ảnh – truyền hình và đạo diễn sân khấu)*. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. Ngô Quốc Khánh (n.d.). *Tìm hiểu một số biện pháp thể hiện ca khúc trữ tình trong giảng dạy thanh nhạc năm thứ nhất hệ ĐHSP Âm nhạc*. Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.
6. Nguyễn Đăng Hòe, Đức Bằng (1982). *Ca hát và biểu diễn*. Nhà xuất bản Văn Hóa, Hà Nội.
7. Trần Minh Ngọc. (1993). *Cơ sở lý luận và kỹ thuật đạo diễn sân khấu*. Trường Nghệ thuật Sân khấu 2, tr.105.
8. Vũ Dũng. (2008). *Từ điển tâm lý học*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, Tr.36.
9. Lâm Hồng Phong. (2007). *Giáo trình Nghệ thuật Biểu diễn* (Thành Đăng Khánh dịch). NXB Học viện Phát thanh Bắc Kinh, Trung Quốc.
10. Từ Thị Loan. (2021). Nghệ thuật biểu diễn ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra hiện nay. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 479, tháng 11-2021.
11. Hồ Thị Hoàng Hà. (2025). Rèn luyện kỹ năng thanh nhạc qua sân khấu nhạc kịch. *Báo Nhân dân*, ngày 27/11/2025.
12. Gordon Portman & David Playfair. (2012). Đào tạo toàn diện cho diễn viên kiêm ca sĩ: Lý thuyết và thực hành (Integrated Training for the Singing Actor: Theory and Practice). *Tạp chí Brock*, số 12(2):62-72, tháng 2-2012.

Applying Some Acting Techniques to Vocal Performance at the Faculty of Music and Film, Nguyen Tat Thanh University

Nguyen Le Thanh Hai

Faculty of Music and Cinema, Nguyen Tat Thanh University, Ho Chi Minh City, Viet Nam

hainlt@ntt.edu.vn

Abstract In contemporary vocal training, stage performance skills play an essential role alongside vocal technique, requiring learners to master body movement, emotional expression, and audience engagement. However, in Viet Nam - particularly at the Faculty of Music and Cinema, Nguyen Tat Thanh University - acting-related components have not yet been systematically integrated into the curriculum. This study examines the application of acting techniques in vocal training through an assessment of students' expressive ability and stage presence, using document analysis, observation, and a pedagogical experiment. The findings reveal that integrating three groups of techniques: body language and physical release, stage perception and imagination and expressive character creation significantly enhances students' song interpretation, stage control, and emotional connection with the audience. The study affirms the necessity of an integrated pedagogical model that combines vocal performance and acting, and proposes curriculum innovations for the Faculty of Music and Cinema to better meet the demands of the performing arts industry in the context of global integration.

Keywords Vocal training; body language; stage expression; acting technique.

